

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/2012/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường
trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 12/12/2005;
Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về việc ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/4/2010 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Thông tư 13/2007/TT-BXD ngày 31/12/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 372/TTr-STNMT ngày 24/02/2012, Báo cáo thẩm định số 1232/BCTĐ-STP ngày 19/10/2011 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản trước đây về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và thị xã Thái Hòa; Giám đốc các đơn vị thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn Nghệ An; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Hồ Đức Phớc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (kể cả tổ chức, cá nhân, hộ gia đình người nước ngoài đang cư trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn thông thường phải chấp hành Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích một số từ ngữ

Trong quy định này, một số từ ngữ chuyên ngành được hiểu như sau:

1. “*Chất thải rắn thông thường*” là chất thải ở thể rắn được thải ra từ quá trình sản xuất công nghiệp, làng nghề, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác. Chất thải rắn thông thường bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.

2. “*Chất thải rắn sinh hoạt*” là chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng, đi lại; bao gồm chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ (các chất thải có nguồn gốc từ thực phẩm rau, quả, củ, lá cây, thức ăn thừa,...) và “*Chất thải rắn sinh hoạt vô cơ* (các chất thải kim loại, thủy tinh, chai, lọ bằng thủy tinh, nhựa, bao nilon,...).

3. “*Chất thải rắn xây dựng*” là chất thải rắn phát thải trong quá trình cải tạo, xây dựng; phá dỡ công trình và các phế liệu trong xây dựng.

4. “*Chất thải rắn công nghiệp*” là chất thải rắn phát thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác.

5. “*Hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường*” bao gồm các hoạt động quy hoạch quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở quản lý chất thải rắn thông thường, các hoạt động phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý

chất thải rắn thông thường nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

7. “*Đơn vị vệ sinh môi trường*” là các tổ chức, cá nhân được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

8. “*Phí vệ sinh*” là khoản phí bắt buộc theo quy định phải nộp hàng tháng của các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ vệ sinh, xả thải hoặc có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

9. “*Khu liên hợp xử lý chất thải rắn*” là tổ hợp của một hoặc nhiều hạng mục công trình xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn và bãi chôn lấp chất thải rắn.

10. “*Vận chuyển chất thải rắn*” là quá trình chuyên chở chất thải rắn từ nơi phát sinh, thu gom, lưu giữ, trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng hoặc bãi chôn lấp cuối cùng.

11. “*Chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh*” là hoạt động chôn lấp phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật về bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.

12. “*Chủ đầu tư cơ sở quản lý chất thải rắn*” là tổ chức, cá nhân được phép thực hiện đầu tư vào hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn thông thường

1. Việc quản lý chất thải rắn thông thường nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại của rác thải đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các luật khác có liên quan.

2. Cơ quan quản lý nhà nước quản lý việc lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quản lý chất thải rắn; Quản lý quy hoạch, đầu tư cho thu gom, vận chuyển xây dựng công trình xử lý chất thải rắn; Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật trong quá trình hoạt động quản lý chất thải rắn.

3. UBND tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh; công tác thu gom, phân loại, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn thông thường theo hướng giảm ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ hiện đại và tiết kiệm tài nguyên đất.

4. Tổ chức, cá nhân xả thải hoặc có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn phải nộp phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

5. Ban hành các chính sách, văn bản pháp luật về hoạt động quản lý chất thải rắn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn và hướng dẫn thực hiện các văn bản này.

6. Ban hành quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hoạt động quản lý chất thải rắn.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

1. Chất thải rắn sinh hoạt từng bước được kiểm soát, phân loại tại nguồn để tái chế, tái sử dụng, hạn chế ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tỷ lệ chôn lấp. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thành: Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ và Chất thải rắn sinh hoạt vô cơ.

2. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải thực hiện lưu giữ chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định. Khuyến khích hoạt động thực hiện việc phân loại chất thải rắn tại nguồn theo Khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị vệ sinh môi trường có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về phương tiện thu gom, vận chuyển, các bãi tập kết rác thải sinh hoạt; tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt đến nơi xử lý theo quy định; hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phát sinh chất thải rắn thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn.

Điều 5. Thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các tổ chức, hộ gia đình có phương tiện, dụng cụ để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, lưu giữ đảm bảo vệ sinh môi trường ở trong nhà và chuyển đến các điểm tập kết, phương tiện thu gom của đơn vị vệ sinh môi trường đúng thời gian, đúng nơi quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải có phương tiện, dụng cụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, bố trí điểm thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và phải ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường để vận chuyển về nơi xử lý theo đúng quy định.

3. Trên các tuyến đường phố, quảng trường, nơi công cộng tập trung đông người, các đơn vị vệ sinh môi trường đặt các thùng rác công cộng tại các địa điểm thuận tiện để phục vụ việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt; hàng ngày thực hiện thu gom bằng xe tải nhỏ hoặc xe chuyên dùng, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự giao thông. Theo định kỳ, thực hiện việc phun nước, hút bụi trên các tuyến phố chính của các khu đô thị.

4. Các đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện hàng ngày việc quét, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các tổ chức, hộ gia đình, các điểm tập kết về nơi xử lý theo quy định. Không thu gom và vận chuyển chất thải trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất), không tập kết xe gom, xe vận chuyển ở các địa điểm ảnh hưởng đến ùn tắc giao thông, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

5. Chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi trên đường, hè phố, nơi công cộng... phải được các đơn vị vệ sinh môi trường thu gom, quét dọn hàng ngày. Trường hợp trên

hè, đường phố, nơi công cộng có đất, cát, bụi bẩn, phế thải xây dựng hoặc chất thải sinh hoạt rơi vãi mất vệ sinh và mất an toàn giao thông, đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn phải chủ động khắc phục ngay khi kiểm tra phát hiện (hoặc nhận được tin báo).

6. Chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển về các khu xử lý để tái chế, tái sử dụng hoặc chôn lấp theo quy định. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải là phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành. Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, các phương tiện vận chuyển phải an toàn, đi đúng tuyến đường, không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi; khi vào bãi đổ phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý khu xử lý chất thải.

Điều 6. Xử lý, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý theo các công nghệ: chôn lấp hợp vệ sinh, đốt, xử lý chế biến thành phân hữu cơ, viên đốt hoặc các công nghệ khác, ... tùy theo tính chất chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại. Công nghệ xử lý phải đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt các Quy chuẩn môi trường Việt Nam theo quy định, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, khu liên hợp xử lý chất thải rắn, bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh do các đơn vị được giao làm vệ sinh môi trường quản lý, vận hành có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình công nghệ, đảm bảo vận hành an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 7. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn xây dựng phải thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng thành các loại: đất, bùn hữu cơ; cát, đá và chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói vỡ, trát vữa ...); chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (kính vỡ, gỗ, chất dẻo, sắt thép, bao bì vật liệu ...) để có biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình làm phát sinh chất thải xây dựng phải có biện pháp đảm bảo môi trường, không làm bụi bẩn, ô nhiễm; không sử dụng hè phố, lòng đường, nơi công cộng làm nơi lưu giữ chất thải rắn xây dựng. Ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường để thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng về đúng nơi quy định hoặc trong trường hợp tự vận chuyển về bãi chôn lấp chất thải xây dựng thì các phương tiện vận chuyển phải tuân thủ điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều này, không để rơi vãi chất thải trên đường và phải nộp phí xử lý chất thải xây dựng tại bãi chôn lấp theo quy định. Trường hợp, tái sử dụng hoặc tái chế làm vật liệu san nền cho các công trình xây dựng đối với đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng thì phải tuân thủ theo đúng quy định hiện hành, không được gây ô nhiễm môi trường.

3. Các đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện việc quét, thu gom và vận chuyển chất thải rắn xây dựng về bãi chôn lấp chất thải xây dựng theo quy định. Nếu phát hiện các trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới an toàn giao thông kịp thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Xe vận chuyển chất thải xây dựng dạng đất, bùn hữu cơ phải là xe chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không làm rò rỉ, rơi vãi bùn, đất khi vận chuyển. Xe vận chuyển chất thải rắn xây dựng dạng cát, đá, gạch, ngói vỡ, trạt vữa, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (kính vỡ, gỗ, chất dẻo, sắt thép, bao bì vật liệu ...), thùng xe phải kín khít, không rò rỉ nước ra ngoài và che chắn theo quy định. Các xe vận chuyển khi vào bãi đổ phế thải phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý bãi chôn lấp chất thải xây dựng. Các phương tiện vận chuyển vật tư, vật liệu rời, phế thải xây dựng, khi ra khỏi công trường xây dựng phải được rửa sạch không gây ô nhiễm môi trường.

5. Chất thải rắn xây dựng được xử lý tại bãi chôn lấp phế thải xây dựng phải tuân thủ quy trình công nghệ vận hành, đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ồn, bụi. Trường hợp xử lý chất thải rắn xây dựng theo công nghệ tái chế thành các vật liệu và chế phẩm xây dựng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt công nghệ, không để gây ô nhiễm thứ cấp.

Điều 8. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

1. Chủ nguồn thải tại cơ sở sản xuất, kinh doanh phải phân loại chất thải rắn công nghiệp thành các loại:

- Chất thải công nghiệp nguy hại: việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý, chất thải rắn công nghiệp, nguy hại được thực hiện theo quy định quản lý chất thải rắn nguy hại.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thực hiện tương tự như các loại chất thải rắn thông thường.

2. Các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở có phát sinh chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải tự tổ chức lưu giữ an toàn các chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trong khu vực sản xuất, kinh doanh của mình và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển về nơi xử lý, tiêu hủy theo quy định. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải là các phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và cấp phép lưu hành.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở có phát sinh chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy

phép để tự thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải đảm bảo phương tiện vận chuyển có thùng xe kín khí, phải che chắn đảm bảo không để rơi vãi chất thải rắn công nghiệp ra môi trường và phải chịu phí xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại tại khu xử lý, tiêu hủy theo quy định.

4. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được xử lý, chôn lấp hợp vệ sinh như chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng theo quy định.

Điều 9. Nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn

1. Quy hoạch quản lý chất thải rắn là công tác điều tra, khảo sát, dự báo nguồn và tổng lượng phát thải các loại chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trạm trung chuyển, tuyến vận chuyển và các cơ sở xử lý chất thải rắn; xác định phương thức thu gom, xử lý chất thải rắn; xây dựng kế hoạch và nguồn lực nhằm xử lý triệt để chất thải rắn.

2. Nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn bao gồm:

Điều tra, đánh giá, dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các chất thải rắn thông thường và nguy hại; Đánh giá khả năng phân loại tại nguồn và khả năng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn; Xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trung chuyển, cơ sở xử lý và chôn lấp chất thải rắn; Xác định phương thức thu gom, tuyến đường vận chuyển chất thải rắn; Đề xuất các tiêu chí cần đạt được khi lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn; Xây dựng kế hoạch và nguồn lực thực hiện để bảo đảm thống kê đầy đủ và xử lý triệt để tất cả các loại chất thải rắn.

3. Quy hoạch quản lý chất thải rắn các cấp phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

4. Đầu tư cho quản lý chất thải rắn phải đồng bộ, giải quyết triệt để chất thải rắn, bảo đảm hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ môi trường và phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

Điều 10. Cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ

Cơ sở xử lý chất thải rắn được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau tùy theo công nghệ dự kiến và điều kiện thực tế, bao gồm:

a) Hình thức tập trung: bao gồm một hoặc một số công trình xử lý chất thải rắn và các hạng mục công trình phụ trợ được bố trí tại một địa điểm theo quy hoạch. Các hạng mục công trình xử lý chất thải rắn có thể là:

- Nhà máy đốt rác thông thường;
- Nhà máy đốt rác có thu hồi năng lượng;
- Nhà máy sản xuất phân hữu cơ;
- Nhà máy sản xuất sản phẩm nguyên liệu và chế phẩm từ chất thải;
- Bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường hợp vệ sinh;
- Bãi chôn lấp chất thải rắn nguy hại;
- Khu liên hợp xử lý chất thải rắn.

b) Hình thức phân tán: các hạng mục công trình xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ được bố trí phân tán tại các vị trí thích hợp.

Điều 11. Phí vệ sinh và đơn vị thực hiện thu phí

Đối tượng thu phí vệ sinh môi trường, đơn vị thu phí vệ sinh, mức thu phí, tỷ lệ trích nộp phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn, được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của UBND tỉnh Nghệ An.

Điều 12. Xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn thông thường

1. UBND tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh; công tác thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và đầu tư xây dựng, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường.

2. Tổ chức, cá nhân có thể đầu tư để thành lập hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại khu vực điểm dân cư nông thôn, làng nghề chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn với các nội dung sau đây:

a) Đầu tư thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải thông thường; xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình thuộc khu xử lý chất thải rắn thông thường; xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn thông thường;

b) Mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động xử lý chất thải rắn thông thường;

c) Đầu tư chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn thông thường được hưởng ưu đãi về nguồn vốn đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành.

Chương III

VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 13. Các hành vi bị cấm

1. Đổ, bỏ chất thải rắn thông thường không đúng thời gian và không đúng nơi quy định; để chất thải rắn thông thường ra vỉa hè, lòng đường, đổ ra hệ thống thoát nước, sông, hồ, công viên, vườn hoa, hệ thống đê điều và nơi công cộng; Để lẫn chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại.

2. Để chất thải rắn xây dựng ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường, bụi, bẩn và làm hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Vận chuyển chất thải rắn thông thường không che chắn, làm rơi vãi, bụi, bẩn đường phố, nơi công cộng, gây ô nhiễm môi trường.

4. Các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường không đúng quy trình công nghệ được phê duyệt; thu gom, vận chuyển, tập kết chất thải rắn thông thường không đúng thời gian, địa điểm quy định gây ùn tắc giao thông; để chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ quá thời gian quy định làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường, không thực hiện vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình.

5. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm Quy định về quản lý chất thải rắn thông thường thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/4/2010 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các quy định xử lý, xử phạt của nhà nước.

2. Trường hợp các phương tiện vận chuyển chất thải rắn thông thường hoạt động không đúng thời gian quy định, gây cản trở giao thông thì bị xử phạt theo quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

3. Ngoài các hình thức xử phạt theo quy định, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn bị áp dụng một hoặc các biện pháp sau đây:

- Buộc khắc phục tình trạng mất vệ sinh môi trường do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra (theo Mục a, Khoản 4, Điều 46, Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009);

- Buộc thực hiện đúng quy định về vệ sinh môi trường.

- Chịu mọi chi phí thuê khắc phục tình trạng mất vệ sinh hoặc khôi phục tình trạng ban đầu (nếu có).

- Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nếu có các hành vi vi phạm và bị xử lý vi phạm hành chính lần thứ 3 sẽ bị đề nghị thu hồi đăng ký kinh doanh.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Thực hiện theo Nghị định 23/2009/NĐ-CP ngày 27/2/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ

về xử lý vi phạm luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

5. Những hành vi gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý chất thải thông thường, hoặc cố ý làm trái với Quy định này, tùy theo mức độ, tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh; phối hợp, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường về quản lý chất thải rắn thông thường; hướng dẫn thực hiện công tác xã hội hóa quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan lập quy hoạch chuyên ngành quản lý chất thải rắn thông thường, xác định các điểm tập kết trung chuyển chất thải rắn thông thường trên toàn địa bàn tỉnh Nghệ An.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch chi ngân sách hàng năm cho công tác quản lý chất thải rắn thông thường của tỉnh.

d) Chỉ đạo Thanh tra xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, lập quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn thông thường, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường trong hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải, các khu tái chế, tái sử dụng, bãi chôn lấp theo quy định.

3. Sở Giao thông vận tải

Chỉ đạo Thanh tra Giao thông vận tải phối hợp với Thanh tra Xây dựng, Thanh tra Môi trường, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức kiểm tra, xử lý

các vi phạm do chủ phương tiện vận chuyển làm rơi, vãi, đổ chất thải trên hè, đường và nơi công cộng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Công an tỉnh

Chỉ đạo Cảnh sát môi trường kiểm tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm Pháp luật về môi trường trong hoạt động quản lý chất thải rắn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện phân bổ kế hoạch chi ngân sách nhà nước hàng năm phục vụ công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo phân cấp trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Hướng dẫn cụ thể việc tổ chức, cá nhân được hỗ trợ ưu đãi khi tham gia đầu tư xây dựng khai thác, kinh doanh các bãi chôn lấp, các nhà máy xử lý rác thu hồi năng lượng trong hoạt động bảo vệ môi trường.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với các Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đảm bảo cho hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Tham mưu quy định đối tượng, mức thu phí (*phí thu gom và phí xử lý*), tỷ lệ trích nộp phí vệ sinh môi trường, phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn việc sử dụng tiền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp cùng Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định đền bù ảnh hưởng môi trường tại các khu xử lý chất thải rắn thông thường.

7. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan

a) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị trực thuộc thực hiện vệ sinh môi trường theo đúng các quy định.

b) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra việc quản lý chất thải rắn thông thường và giải quyết các vấn đề có liên quan đến quản lý bảo vệ môi trường.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã

1. Phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan khác có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn thông thường tại địa phương.

2. Có trách nhiệm quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, quản lý bãi chôn lấp rác thải khu vực theo phân cấp, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

3. Chỉ đạo lực lượng Công an, thanh tra đô thị, UBND các phường, xã, thị trấn kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn theo quy định.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra UBND các phường, xã, thị trấn trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Tổ chức đánh giá tình hình quản lý chất thải thông thường tại địa phương, báo cáo kết quả theo yêu cầu của các Sở, ban ngành có liên quan về tình hình thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường trên địa bàn; kiến nghị đề xuất các vấn đề có liên quan đến việc quản lý chất thải rắn thông thường; phối hợp giải quyết đôn đốc thu phí vệ sinh môi trường. Cấp giấy phép hoạt động cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn thông thường để phục vụ công tác duy trì vệ sinh môi trường.

Điều 17. Trách nhiệm của UBND các phường, xã, thị trấn

1. Phối hợp với đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý.

2. Chịu trách nhiệm thường xuyên giám sát, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình, công dân trên địa bàn chấp hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường và các Quy định khác có liên quan của UBND tỉnh; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức tuyên truyền các quy định của tỉnh về quản lý chất thải rắn thông thường và giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

4. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường theo thẩm quyền đã được pháp luật quy định; phối hợp giải quyết đôn đốc thu phí vệ sinh môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường và chủ đầu tư

1. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường:

a) Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường phải tuân thủ theo quy trình công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thông báo bằng văn bản đến chính quyền địa phương và các ngành, cơ quan có liên quan trên địa bàn về các nội dung sau:

- Thời gian đổ và thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong ngày của khu vực địa phương, đường phố, ngõ xóm;

- Địa điểm bãi chôn lấp chất thải và các cơ sở xử lý chất thải của tỉnh;

- Địa điểm đặt dụng cụ chứa chất thải rắn sinh hoạt, công dụng của từng loại thùng chứa tại các trục hè đường, tuyến phố, nơi công cộng;

c) Chịu trách nhiệm quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao.

d) Thực hiện thu phí vệ sinh trên địa bàn được giao theo quy định.

đ) Không làm rơi, vãi chất thải rắn thông thường, phát tán mùi gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

e) Chịu trách nhiệm đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường.

2. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành bãi chôn lấp và khu xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chỉ được phép tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận; tiếp nhận và xử lý các loại chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp không độc hại phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của khu xử lý, bãi chôn lấp.

b) Các chủ đầu tư khi lập dự án và thi công xây dựng các nhà máy xử lý chất thải, các trạm trung chuyển, các bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường phải thực hiện theo quy hoạch và các quy định về đầu tư xây dựng, về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Quản lý vận hành bãi chôn lấp và khu xử lý chất thải rắn thông thường theo đúng quy trình công nghệ, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường;

d) Giải pháp, công nghệ xử lý chất thải rắn, giải pháp xử lý nước rỉ rác và nước thải từ hoạt động chất thải rắn hiệu quả theo công nghệ xử lý.

đ) Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường theo quy định;

e) Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường định kỳ ít nhất 3 tháng/lần;

g) Thực hiện kế hoạch an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc giữ gìn trật tự an khu vực xử lý và xung quanh nhà máy.

h) Có phương án phục hồi cảnh quan sau khi đóng bãi chôn lấp, kết thúc hoạt động xử lý chất thải rắn.

i) Phải vận hành các hệ thống xử lý môi trường trong khu vực xử lý chất thải rắn đạt các Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Điều 19. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình

1. Mọi tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ rác, chất thải đúng thời gian

và nơi quy định, không để chất thải sinh hoạt trên hè phố, lòng đường; không để chất thải vật nuôi và vật nuôi thải chất thải ở nơi công cộng, gây mất vệ sinh; có trách nhiệm tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền và các đoàn thể địa phương phát động.

2. Mọi cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các thành viên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng các nội dung trong Quy định này; thực hiện phân loại chất thải ngay từ nguồn; ký hợp đồng với các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định.

3. Các hộ gia đình tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải rắn theo Quy định của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch, các nguồn nước mặt. Các chất thải ở dạng bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất đã hết hạn sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp phải được lưu giữ trong các túi riêng, được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng.

Điều 20. Sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị phối hợp với chính quyền các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý chất thải rắn thông thường, vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại chất thải tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với UBND các cấp kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này. Chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan tổ chức tổng kết hàng năm.

2. Các cấp, các ngành có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch hành động, tổ chức quán triệt, tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung của Quy định này.

- Tổ chức kiểm tra thực hiện, kịp thời xử lý vi phạm Quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét và quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Hồ Đức Phớc